

## KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TÀI CHÍNH NĂM 2025

### I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;
2. Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;
3. Luật chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019; Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;
4. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025;
5. Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập;
6. Luật số 06/VBHN-VPQH ngày 16/9/2024 của Văn phòng Quốc Hội về quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 25/VBHN-BTC ngày 15/10/2024 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
7. Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước;
8. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
9. Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;
10. Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ



trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

11. Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với CBCCV;C;

12. Thông tư số 33/2005/TT-BGD & ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

13. Thông tư 05/2005/TT-BVN ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ công chức, viên chức;

14. Thông tư 07/2005/TT-BNV của Bộ nội vụ ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ công chức, viên chức; 15. Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/QĐ-Ttg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT ngày 25/10/2018 của bộ Giáo dục & Đào tạo sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Mục I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;

16. Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 hợp nhất Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/06/2017 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

17. Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của bộ Tài chính quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/05/2014 của bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2011/TT-BTC quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

18. Thông tư số 07/2013/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

19. Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của bộ trưởng Bộ nội vụ sửa đổi bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 22/5/2022 của Bộ Nội vụ: Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BNV ngày 22/5/2022 của Bộ Nội vụ: Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;



20. Thông tư số 08/2016/TT- BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

21. Thông tư số 40/TT- BTC ngày 28/4/2017 của Bộ GD&ĐT quy định chế độ Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

22. Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/3/2018 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán Nhà nước;

23. Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN); Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN;

24. Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

25. Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc đính chính thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài chính;

26. Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 54/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 35 Thông tư số 71/2018/TT-BTC; Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTC ngày 29/10/2021 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức Hội nghị, hội thảo Quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Hải Dương về chế độ chi tiếp khách đối với các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

27. Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Thông tư số 27/2018/TT-BGDĐT ngày 25/10/2018 của Bộ Giáo dục & Đào



tạo về việc Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH;

28. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

29. Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể dục, thể thao;

30. Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về chế độ phụ cấp độc hại; trang bị bảo hộ lao động và bồi dưỡng hiện vật đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác lưu trữ thuộc tỉnh;

31. Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

32. Quyết định 3918/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND thành phố Hải Dương về việc giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Dương giai đoạn 2022-2025;

33. Quyết định 5099/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND thành phố Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2025;

34. Hướng dẫn liên ngành số: 456/HDLN: GDĐT-NV-TC ngày 11/3/2024 của LN: GDĐT-NV-TC UBND tỉnh Hải Dương hướng dẫn thực hiện chi trả kinh phí lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ sở GD mầm non, phổ thông công lập;

35. Nghị quyết 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

36. Hướng dẫn liên ngành số 2528/HDLN SGDĐT - STC ngày 15/11/2024 của Sở Giáo dục Đào tạo và Dữ Tài chính tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

37. Công văn 09/CV-PGDĐT ngày 03/01/2024 của Phòng GDĐT Hải Dương về việc hướng dẫn thu, chi, hạch toán kế toán, báo cáo tài chính và công khai tài chính trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025;

38. Thông báo số 84/TB-PGDĐT của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Dương phê duyệt các khoản thu không quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18/01/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.

39. Tình hình thực tế chi tiêu của đơn vị năm 2025.



## **II. QUY MÔ**

### **1. Đội ngũ:**

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong biên chế: 41 người.

Trong đó: Quản lý 02 người; Giáo viên 37 người; Nhân viên: 02 người.

### **2. Lớp, học sinh:**

Học sinh năm học 2024 - 2025

Tổng số lớp: 26 lớp

Học sinh: 801 học sinh.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.

2. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động và học sinh (QL, GV, NV, HS)

3. Thực hiện việc xây dựng cơ sở vật chất, công tác chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch nhà trường triển khai CTGDPT 2018

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên

- Bổ sung CSVC, thiết bị - công nghệ thực hiện chương trình giáo dục 2018

- Đổi mới phương pháp dạy - học, ứng dụng CNTT

- Truyền thông, quảng bá và tiếp thị, xây dựng thương hiệu nhà trường

4. Thực hiện đúng quy trình huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường.

5. Thực hiện công tác báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.

6. Thực hiện công tác kiểm tra tài chính nội bộ và công khai tài chính.

7. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ.

8. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... của nhà trường.

## **IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**1. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê trong quá trình chi tiêu, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định của nhà nước.**

- Xây dựng triển khai nghiêm túc kế hoạch ngân sách được giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước trong quá trình thay đổi cơ chế quản lý tài chính.

- Lập dự toán, kế hoạch thu, kế hoạch chi theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ một cách minh bạch, công khai, cập nhập bổ sung các văn bản hướng dẫn mới nếu có .

- Báo cáo phòng Tài chính - kế hoạch, PGD&ĐT kế hoạch thu chi.

- 100% các khoản thu-chi được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán.

- Triển khai kịp thời, cập nhập các chính sách mới ban hành của Nhà nước.

- Cuối tháng yêu cầu các bộ phận có liên quan chuyển chứng từ, tờ kê, dự trù kinh phí.



- Quyết toán công khai các khoản thu-chi, kết hợp với trường ban thanh tra nhân dân kiểm tra theo đúng kế hoạch.

- Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản theo pháp luật hiện hành của Nhà nước về bảo vệ tài liệu lưu trữ và theo quy định. Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản trong kho lưu trữ của đơn vị. Kho lưu trữ phải có đủ trang bị, thiết bị bảo quản và các điều kiện bảo đảm sự an toàn tài liệu kế toán lưu trữ, như: hòm, tủ tôn, phương tiện phòng chống hoả hoạn; chống ẩm, mốc; chống lũ lụt, mối ...

## **2. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt đối với giáo viên nhân viên hợp đồng:**

- Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động về lương và các khoản theo lương, phụ cấp, trợ cấp khác ...

- Chế độ nâng lương trước thời hạn, nâng lương, thâm niên thường xuyên minh bạch công khai, dán tại bảng tin nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ BHXH, BHYT, BHXH khác cho người lao động.

- Giáo viên được hưởng các chế độ phúc lợi xã hội: thăm hỏi lúc ốm đau, gia đình có việc vui buồn, động viên vào các dịp lễ, tết ...

- Phối kết hợp với công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên của đơn vị.

## **3. Thực hiện việc mua sắm bổ sung, tu sửa cơ sở vật chất, công tác chuyên môn nhà trường.**

3.1. Thực hiện việc chi mua sắm, sửa chữa nhỏ trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, tài sản...

- Thường xuyên rà soát, kiểm kê lại cơ sở vật chất, thiết bị trong nhà trường, nhập tình trạng CSVC, thiết bị vào sổ tài sản.

- Căn cứ vào các kế hoạch của nhà trường, phân bổ kinh phí cho chuyên môn, thư viện, y tế, thiết bị trường học, cơ sở vật chất, đoàn đội, các hoạt động ngoại khóa và các nguồn chi khác phù hợp

- Quản lý, theo dõi kịp thời điều chỉnh nguồn kinh phí sao cho phù hợp để tăng cường CSVC, lên kế hoạch mua sắm báo cáo Phòng GD&ĐT, phòng tài chính kế hoạch thành phố.

- Đề xuất cơ quan cấp trên để được sử dụng nguồn NS của UBND thành phố xây dựng, sửa chữa lớn những trang thiết bị, tài sản, cơ sở vật chất nhằm phục vụ công tác thực hiện CTGDPT 2018 như: Sửa chữa các hạng mục: Khu nhà Hiệu bộ, Công trường, Các phòng lớp học, khu vệ sinh,..., sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điện nước, trang bị thêm tivi, máy tính, bàn ghế học sinh,...

- Nguồn NSNN của đơn vị chỉ cho công tác sửa chữa nhỏ trang thiết bị, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung đồ dùng dạy học, mua sách giáo khoa, sách tham khảo, sách giáo viên, nâng cấp các phần mềm, hệ thống mạng, thư viện điện tử,... phục vụ công tác dạy và học.



### 3.2. Chi cho hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch nhà trường triển khai CTGDPT 2018.
- Bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên
- Chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng xây nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV theo yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.
- + Chi thực hiện các chuyên đề BD giáo dục KNS, GD STEM, GD hướng nghiệp, trải nghiệm sáng tạo.
- + Chi triển khai các chuyên đề BD đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực phẩm chất học sinh đảm bảo tối thiểu 2 chuyên đề/tổ/ học kỳ.
- Chi công tác phí cho GV tham gia các lớp tập huấn. Chi kinh phí tổ chức hội thảo, chuyên đề sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho HS, ... Chi hỗ trợ cho GV tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn. Chi kinh phí cho GV tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn. Chi cho các hội thi của học sinh các cấp. Chi mua sắm sách báo, đồ dùng dạy học. Chi sửa chữa nhỏ thiết bị dạy học, CSVC phục vụ dạy và học. Chi phụ cấp ưu đãi cho GV dạy lớp có HS khuyết tật. Tiền điện, nước, thu gom rác thải. Trang phục cho GV Thẻ dục. Chi thuê mướn. Chi tiền dạy tăng giờ. Chi thường xuyên phục vụ cho công tác dạy và học khác,...

### 3.3 Thực hiện việc chi cho hoạt động giáo dục trải nghiệm, hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục địa phương.

- Chi cho các tiết học HĐGD TN, các hoạt động GDNGLL, ngày hội, giao lưu, ngày lễ lớn, hội thi,... được tổ chức tại trường.
- Chi cho HĐGD TN thực tế ngoài trường, hoạt động dạy học theo chương trình GD địa phương, hoạt động tham quan của học sinh...

### **4. Huy động xã hội hoá.**

Thực hiện theo thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Ban giám hiệu cùng với các đoàn thể kết hợp thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động phụ huynh học sinh tham gia hỗ trợ tự nguyện các khoản đóng góp nhằm xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường.
- Vận động các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các phụ huynh có điều kiện hỗ trợ cho nhà trường.
- Tham mưu với chính quyền địa phương nhằm thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.
- Ban đại diện cùng với nhà trường phổ biến các chủ trương, chính sách về giáo dục, về công tác khuyến học, khuyến tài, giáo dục học sinh chưa ngoan, nhằm nâng cao trách nhiệm việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh của phụ huynh cũng như của cộng đồng.



- Thành lập tổ tiếp nhận tài trợ gồm các đồng chí: Hiệu trưởng, Kế toán, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tổ tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận các đóng góp hỗ trợ trên tinh thần tự nguyện, đúng mục đích, dân chủ, công khai, minh bạch và thông báo phụ huynh học sinh
- Họp chi bộ, trung tâm, hội đồng nhà trường xây dựng kế hoạch.
- Xây dựng kế hoạch báo cáo phòng giáo dục và đạo tạo thành phố phê duyệt về việc vận động xã hội hoá của nhà trường.
- Họp Ban thường trực cha mẹ học sinh.
- Triển khai kế hoạch tới Ban đại diện CMHS các lớp và triển khai tới từng phụ huynh học sinh trong nhà trường.
- Tổng hợp báo cáo cấp trên.
- XHH trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện công khai, minh bạch, không bắt buộc, không quy định mức bình quân, mức tài trợ tối thiểu...
- Kêu gọi sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, địa phương, dân cư ban ngành cơ quan đoàn thể trong khu vực. Khuyến khích việc đầu tư mua sắm và lắp đặt hoàn chỉnh các thiết bị... để bàn giao cho trường

#### **5. Thực hiện công tác kiểm tra tài chính nội bộ và công khai tài chính**

- Xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra, tổ chức việc tự kiểm tra tài chính trong nhà trường, thông qua HĐSP; trong đó kế hoạch có quy định phương thức kiểm tra: định kỳ vào mỗi cuối tháng, cuối năm hoặc đột xuất trong trường hợp nghi ngờ.
- Thực hiện theo Kế hoạch 3 công khai nhà trường đã xây dựng hàng năm.
- Thời gian kiểm tra định kỳ tài chính nội bộ và công khai:
  - + Tháng 01-03/2025: Báo cáo, quyết toán cuối năm 2024 – Công khai trong Sơ kết hội đồng sư phạm cuối kì I, trong Họp cha mẹ học sinh cuối kì I
  - + Tháng 6/2025: Báo cáo công tác tài chính, thu chi XHH năm học 2024-2025, Báo cáo công tác tài chính quý I+II/2025.
  - + Tháng 9/2025: Các khoản thu đầu năm học, triển khai công tác XHH – Công khai trong Hội nghị CCVC, trong Hội nghị CMHS đầu năm học
  - + Tháng 12/2025: quyết toán chi ngân sách quý III+IV và các khoản thu góp kì I.
- Hình thức công khai: Bằng văn bản, dán bảng thông báo, trang web, báo cáo tài chính, báo cáo các cấp.

#### **6. Thực hiện đúng quy trình huy động xã hội hoá bổ sung nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ trong trường**

- Báo cáo cơ quan cấp trên về việc vận động xã hội hoá của nhà trường.
- Họp Chi bộ, Hội đồng SP nhà trường xây dựng kế hoạch.
- Trình UBND, PGD duyệt Kế hoạch.
- Họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh xin ý kiến.
- Thành lập Ban tiếp nhận tài trợ giáo dục.
- Triển khai kế hoạch tới Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và triển khai tới từng phụ huynh học sinh trong nhà trường. Kêu gọi sự đồng hành, chia sẻ, hỗ trợ



trên tinh thần tự nguyện của cha mẹ học sinh nhằm góp phần thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tổng hợp báo cáo cấp trên.

- Xây dựng các nguồn thu của cha mẹ học sinh trên nguyên tắc đóng góp tự nguyện và các khoản thu trong nhà trường.

- Kêu gọi sự ủng hộ của các doanh nghiệp, cơ quan, các nhà hảo tâm, mạnh thường quân, các tổ chức đoàn thể, dân cư tại địa phương, trong địa bàn thành phố,...

- Công khai minh bạch các khoản thu chi, các hiện vật đã tiếp nhận.

### **7. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ**

- Dựa vào các văn bản chỉ đạo, Kế hoạch tài chính năm 2025 và tình hình thực tế của nhà trường, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

- Việc xây dựng được thực hiện đúng theo quy trình và quy định, theo nguyên tắc công khai, minh bạch.

### **8. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... của nhà trường**

- Tiến hành rà soát lại tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... trong nhà trường, phân loại và lập sổ theo dõi tình trạng các loại tài sản.

- Phân công cán bộ phụ trách, báo cáo BGH những tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... trong danh mục không còn sử dụng được và tiến hành thanh lý theo quy định.

- Tiến hành sửa chữa tu bổ tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... trong nhà trường đặc biệt chú trọng đến các phòng học bộ môn thực hiện CTGDPT 2018.

- Kết hợp với NV Bảo vệ đảm bảo an ninh, an toàn tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... trong nhà trường.

- Cuối năm tiến hành kiểm kê đánh giá lại tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, CNTT,... của trường.

- Thực hiện báo cáo đúng quy định lên các cấp.

## **V. KẾ HOẠCH THU – CHI**

### **5.1. Kế hoạch thu (Đơn vị tính: 1.000đ)**

STT	Nguồn quỹ	Mức thu 1 HS/tháng (năm)	Sĩ số HS, số biên chế	Dự kiến số tiền phải thu	Dự kiến miễn giảm, thất thu	Tổng số tiền thực thu	Công văn hướng dẫn thu
<b>I</b>	<b>Ngân sách cấp</b>						
1	Kinh phí chi thường xuyên		41	9.988.864		9.988.864	<i>QĐ giao dự toán ngân sách 2025</i>



2	Kinh phí chi không thường xuyên			1.100.000		1.100.000	QĐ giao dự toán ngân sách 2025
	<b>Tổng</b>			<b>11.088.864</b>		<b>11.088.864</b>	
<b>II Nguồn thu theo NQ17/2024/NQ-HĐND</b>							
1	Lao công	20	801	144.180	360	143.820	Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương
2	Điện ĐH	Theo công tơ	26 lớp	45.500		45.500	
3	Trang TB bán trú ban đầu	200	135	27.000		27.000	
4	Phục vụ bán trú	756.6	540	3.268.512		3.268.512	
	<b>Tổng</b>			<b>3.485.192</b>		<b>3.484.832</b>	
<b>III Nguồn thu ngoài NQ17/2024/NQ-HĐND (PGD duyệt)</b>							
1	Nước uống	6	801	43.254	108	43.146	Sau khi được PGD phê duyệt và thực hiện theo các công văn HD của các cấp đầu năm học.
2	TA với người NN	40/tiết	540	756.000	28.000	728.000	
3	Kĩ năng sống	12	801	336.420	8.400	328.020	
4	Học 2 buổi	Theo PCCM thực tế	801	1.690.000	10.550	1.679.450	
5	XHH			50.000		50.000	
	<b>Tổng</b>			<b>2.875.674</b>	<b>47.058</b>	<b>2.828.616</b>	

5.2. Kế hoạch chi (Đơn vị tính: 1.000đ)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền	Qui định hướng dẫn chi	Ghi chú
1	Ngân sách	Chi thanh toán cá nhân (lương và các khoản có tính chất như lương)	100% NS	<b>9.556.144</b>	QĐ giao dự toán NS	



2	Ngân sách	Hoạt động chuyên môn	100% NS	432.720	QĐ giao dự toán NS	
3	Ngân sách	Duy tu, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp CSVC, mua sắm nhỏ	100% ngân sách	1.100.000	QĐ giao dự toán NS	
4	Lao công	Chi trả tiền LC, mua sắm dụng cụ, nước tẩy rửa ...	100%	143.820	Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	
5	Điện ĐH	Trả tiền điện sử dụng điều hòa	100%	45.500		
6	Trang TB bán trú ban đầu	Mua đồ dùng ban đầu cho HS bán trú	100%	27.000		
7	Phục vụ bán trú	Chi phục vụ công tác bán trú	100%	3.268.512		
8	Nước uống	Trả tiền mua nước uống tinh khiết và trả tiền công bê nước đến các lớp	100%	43.146		
9	TA với người NN	Nộp về công ty trung tâm dạy T.Anh đã trúng thầu	100%	728.000		
10	Kĩ năng sống	Nộp về công ty dạy KNS đã ký HĐ	100%	328.020		
11	Học 2 buổi	Chi tiền thừa giờ GV, CBQL; Tăng cường CSVC...	100%	1.679.450		
12	XHH	Thiết bị dạy học (Tivi)		50.000		



**5.2. Chi thanh toán cá nhân** (lương và các khoản có tính chất như lương)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền	Qui định hướng dẫn chi	Ghi chú
<b>I</b>	Kinh phí giao tự chủ (thường xuyên)	<b>Thanh toán cá nhân QLGVNV</b>	100% NS	<b>9.556.144</b>		
1	Ngân sách nhà nước cấp	<b>Tiền lương</b>		<b>5.051.195</b>		
		Lương ngạch bậc CBGV		5.001.329		
		Tăng lương ngạch bậc		49.866	Theo QĐ nâng lương	
		<b>Phụ cấp lương</b>		<b>3.030.936</b>	Theo Thông tư, Nghị định của Chính phủ, của bộ nội vụ, Bộ giáo dục về các loại phụ cấp của giáo viên....	
		Phụ cấp chức vụ		77.220		
		Phụ cấp thêm giờ		41.456		
		Phụ cấp độc hại		5.616		
		Phụ cấp ưu đãi nghề		1.704.361		
		Phụ cấp trách nhiệm theo nghề.		8.424		
		Phụ cấp thâm niên nghề, TNVK		1.151.271		
		Phụ cấp khác		42.588		
2			<b>Hỗ trợ CPHT đối tượng chính sách</b>		<b>Cấp sau khi duyệt</b>	HS hộ nghèo, HSKT
3	Ngân sách nhà nước cấp	<b>Các khoản đóng góp</b>		<b>1.474.013</b>	Theo quy định của Luật BHXH Việt Nam, QĐ 595/QĐ-BHXH ngày 14/5/2017	
		Bảo hiểm xã hội		1.097.668		
		Bảo hiểm y tế		188.172		
		Kinh phí công đoàn		125.450		
		Bảo hiểm thất nghiệp		62.723		



**5.3. Chi hoạt động chuyên môn (Đơn vị tính: 1.000đ)**

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí (ghi rõ nguồn)			Lý do	Thời gian thực hiện (dự kiến)
		Nguồn		Tổng tiền		
		Ngân sách	Nguồn khác			
1	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>61.560</b>	<b>117.000</b>	<b>178.560</b>	TT bên CCDV	Tháng 1=>12/2025
	Thanh toán tiền điện	36.000	85.500	121.500		
	Thanh toán tiền nước	24.000	31.500	55.500		
	Phí vệ sinh MT	1.560		1.560		
2	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>32.530</b>		<b>32.530</b>	VVP dùng chung	Tháng 1=>12/2025
	Văn phòng phẩm	12.000		4.466		
	Khoán VPP	10.530		10.530		
	Vật tư VP	10.000		10.000		
3	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>	<b>42.096</b>		<b>42.096</b>	Chi trả cho nhà mạng	Tháng 1=>12/2025
	Cước phí điện thoại trong nước	540		540		
	Thuê bao kênh vệ tinh; cước phí internet; truyền hình cáp	11.556		11.556		
	Bảng biểu, sách báo, tạp chí	30.000		30.000		
4	<b>Hội nghị</b>	<b>5.000</b>		<b>5.000</b>		Tháng 1=>12/2025
5	<b>Tiền thưởng</b>	<b>3.000</b>		<b>3.000</b>		Tháng 1=>12/2025
6	<b>Công tác phí</b>	<b>7.400</b>		<b>7.400</b>		Tháng 1=>12/2025



7	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>80.500</b>		<b>80.500</b>		Tháng 1=>12/2025
	Thuê lao động trong nước	67.500		67.500	Tiền công BV, LC hè	
	Thuê đào tạo lại cán bộ	8.000		8.000		
	Phông rap, ngày lễ, phương tiện,...	5.000		5.000		
8	<b>Chi S/c thường xuyên PVC</b>	<b>87.000</b>		<b>87.000</b>	<b>Sửa chữa nhỏ</b>	Tháng 1=>12/2025
	Sửa máy in, máy tính, camera, loa,...	22.000		22.000		
	Gia hạn các loại PM, ký số	20.000		20.000		
	Sửa chữa điện nước, bàn ghế, PS thực tế...	45.000		45.000		
9	<b>Mua sắm TS phục vụ CM</b>					Tháng 1=>3/2025
	Mua ghế ngồi HS	19.250		19.250		
10	<b>Chi phí NVCM của từng ngành</b>	<b>54.384</b>		<b>54.384</b>		Tháng 1=>12/2025
	Chi mua HH, vật tư	10.000		10.000	Học phẩm	
	Photo tài liệu	15.000		15.000		
	Trang phục, bảo hộ	3.000		3.000	GV thể dục	
	Chi các hội thi	16.000		16.000		
	Chi khác	10.384		10.384		
11	<b>Chi khác</b>	<b>40.000</b>		<b>40.000</b>		Tháng 1=>12/2025
	Phun mối, muỗi, côn trùng	15.000		15.000		
	Chi các ngày Lễ	20.000		20.000		
	Chi các khoản khác	5.000		5.000		



**5.4. Chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất (Đơn vị tính: 1.000đ)**

STT	Nội dung	Dự kiến kinh phí (ghi rõ nguồn)			Thời gian thực hiện (dự kiến)
		Nguồn		Tổng tiền	
		Ngân sách	Khác		
1	Sửa chữa tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	1.100.000		1.100.000	
	Chi sửa chữa CSVC (Sửa chữa các hạng mục: Khu nhà Hiệu bộ, Cổng trường, Các phòng lớp học, khu vệ sinh,...)	1.100.000		1.100.000	Tháng 6 - 9/2025
2	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	19.250	50.000	69.250	Tháng 1/2021
	Ghế ngồi học sinh	19.250		19.250	Tháng 2-3/2025
	Thiết bị dạy học (Tivi)		50.000	50.000	Tháng 10-11/2025

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2025 - 2029**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm kế hoạch	2025	2026	2027	2028	2029	Cộng
Ngân sách Nhà nước	11.089	11.150	11.500	12.250	12.800	58.789
Các khoản thu khác từ người học	6.263	6.450	6.850	7.125	7.500	34.188
Nguồn huy động khác	50	50	100	120	150	470
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.402</b>	<b>17.650</b>	<b>18.450</b>	<b>19.495</b>	<b>20.450</b>	<b>93.447</b>



## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng xây dựng và chịu trách nhiệm về Kế hoạch tài chính năm 2025 của đơn vị. Kế hoạch tài chính được xây dựng thông qua sự giúp việc, tham mưu của Kế toán nhà trường.
- Kế toán chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng để thực hiện kế hoạch tài chính và thực hiện đúng nhiệm vụ của Kế toán.
- Kế hoạch được thực hiện công khai theo quy định.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



**HIỆU TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Hạnh*

**Hải Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2025**

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**

*Nguyễn Thị Huyền*